

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 27-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Ông Nguyễn Đình Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 235/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trịnh Hữu T, sinh năm 1983, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: tổ D, ấp P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hữu N và bà Đỗ Thị T1; bị cáo có vợ: Đỗ Thị T2, sinh năm 1988, bị cáo có 2 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 5 năm 2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trịnh Hữu T: Ông Nguyễn Bảo P - Luật sư thuộc Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

Bị hại: Ông Phan Ngọc Q, sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ D, ấp P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Đào Thị L, sinh năm 1984; nơi cư trú: khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. có mặt.

Người làm chứng

1. Ông Trần T3, sinh năm 1989; có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1988, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Hữu T và ông Trần T3 sinh năm: 1989, nơi thường trú: khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là bạn và cùng làm nghề kinh doanh chung với nhau. Trịnh Hữu T có vay của Trần T3 600.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Trịnh Hữu T đã trả được cho ông Trần T3 250.000.000 còn nợ 350.000.000 đồng.

Ngày 11 tháng 3 năm 2023, ông Trần T3 gọi điện cho Trịnh Hữu T đòi tiền gốc và lãi mà Trịnh Hữu T vay. Lúc này, cả hai xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau trên điện thoại. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, ông Trần T3 đi cùng với ông Phan Ngọc Q, sinh ngày: 09/4/1979, nơi thường trú: khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là cậu ruột của Trần T3) đến cửa hàng nhôm kính Minh Đ tại khu phố D, phường V, thành phố T tỉnh Bình Dương tìm Trịnh Hữu T nói chuyện. Trịnh Hữu T nhìn thấy ông Trần T3 và ông Q đến thì nói: “*sáng giờ mày chửi cha mẹ tao hơi nhiều*”, ông Q tức giận liền dùng tay đánh 01 cái vào mặt của Trịnh Hữu T (không gây thương tích) rồi cả hai xông vào đánh nhau. Thấy đánh nhau nên bà Đỗ Thị T2, sinh năm: 1988, nơi cư trú: khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là vợ của Trịnh Hữu T) và ông Trần T3 chạy đến can ngăn. Sau đó, Trịnh Hữu T, bà T2, ông Trần T3 và ông Q đi vào ghế đá bên trong cửa hàng nói chuyện với nhau. Lúc này, Trịnh Hữu T lớn tiếng chửi ông Trần T3 làm cho ông Q tức giận dùng tay đánh 01 cái vào mặt của Trịnh Hữu T (không gây thương tích) thì Trịnh Hữu T dùng tay phải lấy 01 con dao cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn dài khoảng 20cm để sẵn phía dưới chân ghế đá, đâm 01 nhát trúng vào vùng nách trái của ông Q. Sau khi bị đâm, ông Q bỏ chạy ra đường thì Trịnh Hữu T cầm dao đuổi theo và đâm 01 nhát trúng vào vùng lưng của ông Q. Cả hai lao vào giằng co với nhau, trong lúc giằng co, Trịnh Hữu T tiếp tục dùng dao đâm 01 nhát trúng vào tay trái của ông Q. Lúc này, ông Trần T3 la lớn: “*Công an tới, công an tới*” nhằm mục đích can ngăn thì Trịnh Hữu T bỏ chạy. Ông Trần T3 đưa ông Q đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu, do vết thương nặng nên ông Q được chuyển đến Bệnh viện C điều trị. Sau khi gây án, Trịnh Hữu T ném dao và bỏ trốn khỏi địa phương.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra: không.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 318 ngày 26/5/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sây sát da vùng đỉnh – chẩm, đã lành.

- Vết thương vùng lưng trái cạnh đốt sống lưng D9 dài 2,5 x 0,1 cm, vết thương lưng trái đường nách sau 2,5 x 0,2 cm, vết thương vùng hông lưng trái 8,5 x 0,5 cm, thấu ngực bụng gãy xương sườn 10, 11 bên trái, thủng cơ hoành trái, thủng đại tràng ngang, thủng ruột non, chấn thương thận độ 5, đã phẫu thuật cơ hoành trái, khâu lỗ thủng ruột non, làm hậu môn nhân tạo đại tràng ngang, cắt bỏ thận trái, vết mổ đường giữa bụng 15,5 x 1cm, vết dẫn bụng phải 1,5 x 0,3cm, vết dẫn lưu màng phổi trái 2,5 x 0,3cm, sẹo lành. Hiện tại còn hậu môn tạm.

Vết thương bờ ngoài 1/3 giữa cẳng tay trái 3,4 x 0,2cm, đứt một phần cơ delta, đã khâu cơ, sẹo lành.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phan Ngọc Q tại thời điểm giám định là: 81% (tám mươi một phần trăm) (áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư).

3. Kết luận khác:

Cơ chế hình thành thương tích:

Sây sát da vùng đỉnh – chẩm đã lành, không còn dấu tích, nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích.

Vết thương vùng lưng trái cạnh đốt sống D9, vết thương lưng trái đường nách sau, vết thương vùng hông lưng trái, thấu ngực bụng thủng cơ hoành trái, thủng đại tràng ngang, thủng ruột non, gãy xương sườn 10, 11 bên trái, chấn thương thận độ 5: Chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra.

Vết thương bờ ngoài 1/3 giữa cẳng tay trái: bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Ngọc Q yêu cầu Trịnh Hữu T bồi thường chi phí điều trị, tiền tổn thất sức khỏe và tinh thần với 1.446.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 75.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSBD.P2 ngày 09 tháng 12 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trịnh Hữu T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, qua phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật và đề nghị:

- Về tội danh: Căn cứ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Hữu T phạm tội Giết người chưa đạt.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 điều 51, Điều 57, điểm n khoản 1 điều 123, 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử phạt: Bị cáo Trịnh Hữu T mức án 09 năm tù đến 10 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: không

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền chi phí chữa bệnh, bồi dưỡng, thu nhập bị mất của bị hại và thu nhập bị mất của người chăm sóc, tổn thất tinh thần và yêu cầu cấp dưỡng cho các con của bị hại. Căn cứ Điều 585, 590, 591 Bộ Luật dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu: tiền chi phí chữa bệnh, bồi dưỡng, thu nhập bị mất của bị hại, thu nhập bị mất của người chăm sóc và tổn thất tinh thần của bị hại. Về yêu cầu bồi thường chi phí thay thận, do chi phí chưa phát sinh nên đề nghị Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho bị hại khi có phát sinh và có yêu cầu.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hữu T trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại một phần (75.000.000 triệu đồng) thiệt hại; bị hại cũng có một phần lỗi, gia đình bị cáo có ông bà là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và thống nhất quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 1.446.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 11 tháng 3 năm 2023, xuất phát từ mâu thuẫn trong khoản vay mượn nợ, ông Trần T3 cùng bị hại Phan Ngọc Q đến tìm Trịnh Hữu T để nói chuyện. Khi gặp nhau, bị cáo bị ông Phan Ngọc Q dùng tay nắm vào mặt nên bị cáo đã dùng 01 con dao cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng, mũi nhọn dài khoảng 20cm đâm 01 nhát trúng vào vùng nách trái, 01 nhát trúng vào vùng lưng và 01 nhát trúng vào tay trái của bị hại Q.

[3] Theo kết luận giám định số 318 ngày 26/5/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại Phan Ngọc Q tại thời điểm giám định là: 81% (tám mươi một phần trăm). Mặc dù bị hại còn sống nhưng bị cáo đã tấn công bị hại vào những vùng trọng yếu trên cơ thể như mô tả trong kết luận giám định. Nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi dùng dao đâm vào vùng nách, vùng lưng của bị hại là hành vi vi phạm pháp luật, có khả năng tước đoạt sinh mạng của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp. Việc bị hại không chết là do được cấp cứu và cứu chữa kịp thời và nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi của mình đã gây ra. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung là “có tính chất côn đồ” điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự. Bị cáo cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự.

[5] Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo điểm n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[6] Vì bức xúc việc bị hại vô cớ đánh mình mà bị cáo thực hiện hành vi dùng dao đâm bị hại, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả xảy ra. Bị cáo nhận thức được tính mạng sức khỏe của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại một phần (75.000.000 triệu đồng) thiệt hại; bị hại cũng có một phần lỗi, gia đình bị cáo có ông bà là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự là phù hợp, có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: lời bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại một phần (75.000.000 triệu đồng) thiệt hại; bị hại cũng có một phần lỗi, gia đình bị cáo có ông bà là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 1.446.000.000đ (một tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về các khoản bồi thường, qua xem xét yêu cầu bị hại Q, các chứng từ, hóa đơn do bị hại Q cung cấp, Hội đồng xét xử xem xét như sau:

[9.1] Hội đồng xét xử xét thấy, đối với chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại, chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút được tính theo lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tại nơi bị hại sinh sống theo quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024, thì Bệnh Viện C (tại Quận A, TP Hồ Chí Minh); Bệnh Viện Đ (tại thành phố T, tỉnh Bình Dương) và nhà của bị hại Q (tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương) đều thuộc Vùng I, với mức lương tối thiểu vùng I là 4.960.000 đồng/tháng. Theo quy định tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/09/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tại Điều 7: “... *Ngày lương tối thiểu vùng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định chia cho 26 ngày*”. Như vậy, mức lương tối thiểu vùng I cho một ngày là 190.769đ (làm tròn là 191.000 nghìn đồng).

Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại, cụ thể bao gồm:

[9.1.1] Chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cho người bị thiệt hại; thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở là: **119.004.000đ** (một trăm mười chín

triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng), bao gồm:

- Chi phí khám, chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp lý là: **94.004.000đ** (chín mươi bốn triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng). [Bao gồm các chi phí khám chữa bệnh tại: Bệnh viện đa Khoa tỉnh B: 11.644.834đ + tại Bệnh viện C: 79.180.541đ + tại Bệnh viện C1: 322.372đ + tại Bệnh viện V: 2.856.300đ = **94.004.047đ** (làm tròn là **94.004.000đ**)].

Ngoài ra, qua xem xét các hóa đơn, chứng từ về chi phí khám chữa bệnh do bị hại cung cấp có Phiếu thu số 05-044061 ngày 25/5/2023 của Bệnh Viện C1 với mức chi 96.200đ trong đó bị hại được chẩn đoán bệnh Viêm nướu và bệnh nha chu và Biên lai thu tiền số 24 ngày 11/10/2023 của Bệnh Viện C1 với mức thu 66.280đ (trong đó gồm tiền khám RHM, nhổ răng, thuốc Negacef 500mg và Partamol T4 (giảm đau). Đây là các khoản chi không liên quan đến thương tích của bị hại nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, có 01 chứng từ với số tiền 3.002.211đ (gồm Thuốc máu + vật tư y tế tiêu hao: 1.854.213đ; Phẫu thuật, thủ thuật: 820.750đ; Tiền giường 296.600đ; Oxy, máy thở: 648đ; thu khác 30.000đ) tại Bệnh viện C ngày 26/9/2023 trùng với Hóa đơn bán hàng số 00770407 ngày 26/9/2023 nên Hội đồng xét xử chỉ tính một lần số tiền này.

- Chi phí đi lại: **25.000.000đ** (hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), bao gồm:

+ Thuê phương tiện đi cấp cứu ngày 11/3/2023 (lúc 23h di chuyển từ phường V, thành phố T tỉnh Bình Dương đi Bệnh Viện Đa khoa tỉnh B): **500.000đ** (năm trăm nghìn đồng).

+ Thuê phương tiện chuyển viện ngày 14/4/2023 (di chuyển từ Bệnh viện Đa khoa tỉnh B đến nhập viện tại Bệnh viện C): **2.000.000đ** (hai triệu đồng).

+ Thuê phương tiện xuất viện về nhà ngày 05/4/2023 (di chuyển từ Bệnh viện C về nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương): **2.000.000đ** (hai triệu đồng).

+ Thuê phương tiện đi nhập viện ngày 20/9/2023 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện C): **2.000.000đ** (hai triệu đồng).

+ Thuê phương tiện xuất viện về nhà ngày 26/9/2023 (di chuyển từ Bệnh viện C về nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương): **2.000.000đ** (hai triệu đồng).

+ Thuê phương tiện đi tái khám tại Phòng khám ngoại tiêu hóa, Bệnh Viện C ngày 12/4/2023 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện C và ngược lại - 2 lượt đi và về): 2.000.000 đồng/chuyến x 2 lượt (đi và về) = **4.000.000đ** (bốn triệu đồng).

+ Thuê phương tiện đi tái khám tại Phòng khám ngoại tiêu hóa, Bệnh Viện C ngày 09/10/2023 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện C và ngược lại - 2 lượt đi và về): 2.000.000 đồng/chuyến x 2 lượt (đi và về) = **4.000.000đ** (bốn triệu đồng).

+ Thuê phương tiện đi tái khám tại Bệnh Viện Đ ngày 25/5/2023 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện Đ và ngược lại - 2 lượt đi và về): 550.000 đồng/chuyến x 2 lượt (đi và về) = 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

+ Thuê phương tiện đi khám, điều trị tại Phòng khám Đ1 vào các ngày 25/5/2023, 07/6/2023, 04/8/2023, 11/10/2023, 11/12/2023, 20/12/2023 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện C1 và ngược lại - 2 lượt đi và về): 550.000 đồng/chuyến x 2 lượt (đi và về) x 6 chuyến = **6.600.000đ** (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Thuê phương tiện đi khám, điều trị tại Bệnh viện V vào ngày 05/02/2025 (di chuyển từ nhà tại khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến Bệnh viện V và ngược lại - 2 lượt đi và về): 400.000 đồng/chuyến x 2 lượt (đi và về) = **800.000đ** (tám trăm nghìn đồng).

[9.1.2] Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại là:

Số ngày điều trị tại bệnh viện là 32 (ba mươi hai) ngày bao gồm: tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B 02 ngày (gồm từ ngày 12/3/2023 đến ngày 13/3/2023); tại Bệnh viện C 30 ngày (gồm 23 ngày: từ ngày 14/3/2023 đến 05/4/2023 và 7 ngày: từ 20/9/2023 đến 26/9/2023);

Số ngày điều trị tại nhà và tái khám (từ 05/4/2023 đến 20/9/2023) và (từ 26/9/2023 đến 09/10/2023) là 05 tháng 16 ngày (166 ngày);

Tổng số ngày chữa bệnh, điều trị tại bệnh viện và điều trị tại nhà: 166 (một trăm sáu mươi sáu) ngày + 32 (ba mươi hai) ngày = 198 (một trăm mười tám) ngày.

Do đó, chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại là: 191.000 đồng/ngày x 198 ngày = **37.818.000đ** (ba mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

[9.1.3] Chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút:

Hội đồng xét xử nhận thấy, với những vết thương như kết luận giám định, Hội đồng xét xử ấn định thời gian để bị hại phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là 04 tháng sau ngày xuất viện (từ sau ngày 26/9/2023) tại Bệnh viện C: 120 (một trăm mười hai) ngày.

Như vậy, chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút cho bị

hại là: $191.000 \text{ đồng/ngày} \times 120 \text{ ngày} = \mathbf{22.920.000\text{đ}}$ (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

[9.1.4] Các chi phí hợp lý khác tổng cộng là **10.880.000đ** (mười triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) (bao gồm: Tiền cơm 32 ngày $\times 120.000 \text{ đồng/ngày} = 3.840.000 \text{ đồng}$; túi hậu môn nhân tạo: 5.040.000 đồng; dụng cụ phục vụ khác như bình thủy, thau, chăn, chiếu, gối, bô...: 2.000.000 đồng).

Như vậy, tổng chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại là **190.622.000đ** (một trăm chín mươi triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

[9.2] Thu nhập thực tế của bị hại Q bị mất: gồm thời gian nằm viện, điều trị và 04 tháng (sau ngày xuất viện) phục hồi sức khỏe. Thời điểm trước và sau khi bị hại Q bị nằm viện, bị hại Q làm việc tự do, không chứng minh được thu nhập nên HĐXX áp dụng Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 30/6/2022: $[(198 \text{ ngày} + 120 \text{ ngày}) \times (4.960.000 \text{ đồng/tháng} : 26 \text{ ngày})] = \mathbf{60.738.000\text{đ}}$ (sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

[9.3] Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại: **60.738.000đ** (sáu mươi triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng), bao gồm:

+ Tiền tàu xe đi lại: không (người chăm sóc không tính do đi cùng xe với bị hại).

+ Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện: $32 \text{ ngày} \times (4.960.000 \text{ đồng/tháng} : 26 \text{ ngày}) = \mathbf{6.112.000\text{đ}}$ (sáu triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

+ Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian bị hại phải nằm điều trị tại nhà (166 ngày): $166 \text{ ngày} \times (4.960.000 \text{ đồng/tháng} : 26 \text{ ngày}) = \mathbf{31.706.000\text{đ}}$ (ba mươi một triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

+ Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian bị hại phục hồi sức khỏe (4 tháng): $120 \text{ ngày} \times (4.960.000 \text{ đồng/tháng} : 26 \text{ ngày}) = \mathbf{22.920.000\text{đ}}$ (bốn mươi tám triệu đồng)

[9.4] Đồng thời, tại phiên tòa, giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần nên Hội đồng xét xử xem quyết định theo quy định của pháp luật. Xem xét các thương tích trên thân thể của bị hại theo kết luận giám định thương tích và tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên, mức độ tổn hại đến các bộ phận cơ thể, các vấn đề về di chứng để lại của các thương tích mà bị hại phải gánh chịu trong thời gian dài và về sau này, Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần mà bị hại đưa ra là 50 lần mức lương cơ sở là phù hợp, với số tiền là: $2.340.000 \text{ đồng} \times 50 = \mathbf{117.000.000\text{đ}}$ (một trăm mười bảy triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.5] Như vậy, tổng số thiệt hại phải bồi thường cho bị hại Q là: **429.098.000đ** (ôn trăm hai mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng). Trong đó, bồi thường tổn thất về sức khỏe là 312.098.000 đồng (ba trăm mười hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng); bồi thường tổn thất về tinh thần là **117.000.000đ** (một trăm mười bảy triệu đồng). Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền **75.000.000đ** (bảy mươi lăm triệu đồng) nên bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **354.098.000đ** (ba trăm năm mươi bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[10] Về phần yêu cầu bồi thường các chi phí thay thận, xét thấy hiện bị hại chưa phát sinh các chi phí cho việc thay thận, chưa phát sinh các chi phí khám và điều trị sau khi thay thận hoặc các chi phí khác (từ thương tích nói trên theo chỉ định của bác sĩ). Tại phiên tòa, giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được đối với yêu cầu này nên nếu sau này có phát sinh các chi phí này thì bị hại Q được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[11] Về yêu cầu cấp dưỡng cho 02 con của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[12] Về vật chứng: đối với con dao bị cáo dùng để đâm bị hại, sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ném con dao không xác định được địa điểm, cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 48, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự; Điều 468, Điều 584, Điều 585, khoản 3 Điều 586, Điều 590 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuyên xử:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Trịnh Hữu T phạm tội “Giết người” (chưa đạt).

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Trịnh Hữu T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trịnh Hữu T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phan Ngọc Q số tiền 354.098.000đ (ba trăm năm mươi bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị hại Phan Ngọc Q được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với yêu cầu bồi thường các chi phí thay thận và các chi phí chữa và điều trị thương tích (từ thương tích nói trên theo chỉ định của bác sĩ) nếu sau này có phát sinh.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp 200.000đ(hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.704.900đ (mười bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.